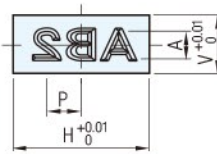
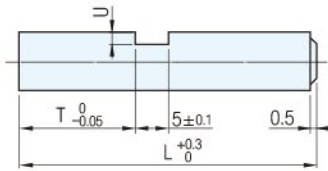


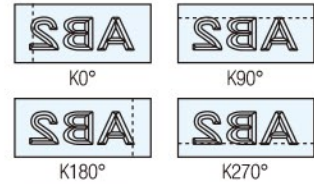
RoHS



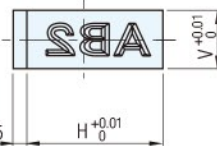
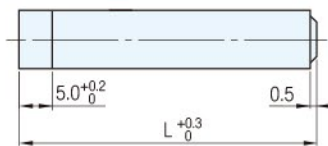
GES□M 鍵槽型



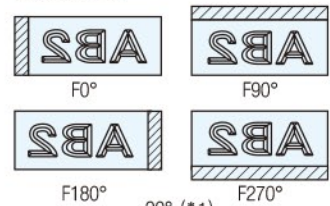
鍵槽位置K



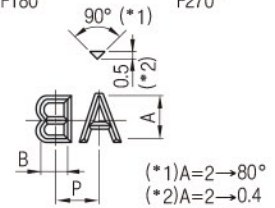
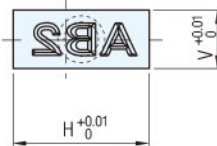
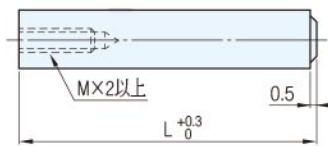
GEK□M 單邊肩型



肩型位置F



GEN□M 螺紋固定型

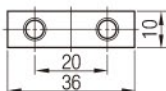


材質	硬度
相當於SKD11	60~63HRC

U (鍵槽型)	M (螺紋固定型)	V	H	P	B	Catalog No. TYPE 文字數	A	指定單位0.1mm	指定單位0.1mm	字型
								L	T(只GES□M)	
1.0	3	5	8	2.5	1.3	GES GEK GEN	2M	20.0~70.0	2 ≤ T < L	0123456789 ABCDEFGHI JKLMNOPQR STUVWXYZ
			10				3M			
			16				4M			
			8	3.5	2.0		5M			
			16				6M			
			22				4M			
1.5	5	8	12	4.9	3.4	5M				
			20			4M				
			30			5M				
	6	10	16	6.0	4.0	2M				
			25			3M				
			36			4M				

Wa 注意

• H=36



• 字體請參閱左頁

Alteration	Code	Spec.
	VKC	變更V尺寸公差 V ^{+0.01} → V _{-0.01} ⁰
	HKC	變更H尺寸公差 H ^{+0.01} → H _{-0.01} ⁰

訂貨: Catalog No. - [A] - [L] - [T] - [CHR] - [K.F] - (VKC, HKC) 交期: 17 天

GES3M - 3 - 40.0 - T15.0 - ABC - K90
 GEN4M - 3 - 40.0 - ABCD
 GEK5M - 6 - 40.0 - ABCDE - F0
 GES3M - 3 - 40.0 - T15.0 - ABC - HKC

0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
 A B C D E F G H I
 J K L M N O P Q R
 S T U V W X Y Z

刻印的配置範例